

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7.4....../DKQN-HDQT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 08 năm 2021

V/v Giải trình bổ sung chênh lệch số liệu
Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã
được soát xét.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ khoản 2 Điều 14 và khoản 20 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, mã chứng khoán PQN xin giải trình bổ sung chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 như sau:

Lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được soát xét (sau kiểm toán) là 7.251 triệu đồng lần lượt giảm 885 triệu đồng và 2.680 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 trước kiểm toán (lần lượt tương đương giảm 10.9% và 27.0%). Biến động này chủ yếu là do phát sinh tăng thêm của chi phí khấu hao tài sản cố định trong kỳ dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm ngoái và Báo cáo tài chính bán niên trước kiểm toán.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, TCKT (HVD).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hùng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~73~~....../DKQN-HDQT
V/v Công bố BCTC bán niên năm 2021 đã
được soát xét.

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
2. Mã chứng khoán: PQN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, P. Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Điện thoại: 0255 3827492 /Fax: 0255 3827507
5. Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn Hùng - Giám đốc
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC được lập ngày 13/08/2021; Bao gồm: Báo cáo của Ban giám đốc, Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.
7. Địa chỉ Website đăng tải báo cáo tài chính: <http://ptscquangngai.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Lưu: VT, HCNS (HVD).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Giám đốc
Ông Ngô Tấn Quảng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

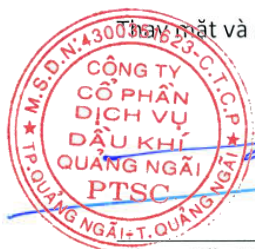
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Hùng

Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Số: **0133** /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Lê Đình Tư****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

Lô 4H, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong
 Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		420.499.414.264	514.879.420.834
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	57.838.004.410	93.058.828.742
1. Tiền	111		36.957.527.249	62.428.467.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.880.477.161	30.630.361.693
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.677.858.123	284.179.451.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	138.146.895.699	229.032.458.572
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.841.791.530	16.440.580.865
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	31.084.126.406	41.101.367.589
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.394.955.512)	(2.394.955.512)
III. Hàng tồn kho	140	7	166.245.495.510	134.423.264.038
1. Hàng tồn kho	141		166.245.495.510	134.423.264.038
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.738.056.221	3.217.876.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	3.582.903.827	3.217.876.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		374.870.130	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	780.282.264	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		371.025.429.128	401.300.371.263
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.516.550.273	13.516.550.273
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	13.516.550.273	13.516.550.273
II. Tài sản cố định	220		251.037.495.263	276.827.413.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	250.932.686.748	276.689.070.230
- Nguyên giá	222		863.884.605.071	862.877.055.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(612.951.918.323)	(586.187.984.841)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	104.808.515	138.343.518
- Nguyên giá	228		2.753.058.029	2.753.058.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.648.249.514)	(2.614.714.511)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		79.861.835.648	79.389.913.106
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	12	69.815.950.708	69.815.950.708
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	10.045.884.940	9.573.962.398
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.609.547.944	31.566.494.136
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	26.609.547.944	31.566.494.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		791.524.843.392	916.179.792.097

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		699.623.578.188	831.529.301.497
I. Nợ ngắn hạn	310		340.727.859.106	472.634.900.380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	143.317.657.428	223.027.243.714
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	90.570.560.503	102.638.762.886
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	567.982.439	5.949.361.596
4. Phải trả người lao động	314		1.653.699.995	4.525.025.554
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	34.108.739.482	30.898.906.398
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.551.469.292	3.182.099.292
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	67.957.749.967	102.413.500.940
II. Nợ dài hạn	330		358.895.719.082	358.894.401.117
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	358.891.628.649	358.891.628.649
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.090.433	2.772.468
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.901.265.204	84.650.490.600
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	91.901.265.204	84.650.490.600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.707.250.551	4.707.250.551
3. Lỗ lũy kế	421		(212.805.985.347)	(220.056.759.951)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(220.056.759.951)	(240.713.789.242)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		7.250.774.604	20.657.029.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		791.524.843.392	916.179.792.097



Hồ Vũ Duy
Người lập biểu



Trịnh Lương Một
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hùng
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	391.143.222.378	313.680.941.794
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		391.143.222.378	313.680.941.794
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	360.900.785.807	283.123.303.476
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		30.242.436.571	30.557.638.318
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		685.576.207	1.363.760.783
6. Chi phí tài chính	22	24	4.454.747.457	5.013.963.381
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	17.127.694.133	17.272.691.938
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		9.345.571.188	9.634.743.782
9. Thu nhập khác	31		90.790.342	725.359.199
10. Chi phí khác	32		402.564.348	112.890.000
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(311.774.006)	612.469.199
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		9.033.797.182	10.247.212.981
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.781.704.613	2.153.347.914
14. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	1.317.965	(42.341.014)
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		7.250.774.604	8.136.206.081
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	242	271

Hồ Vũ Duy
Người lập biểu

Trịnh Lương Một
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hùng
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

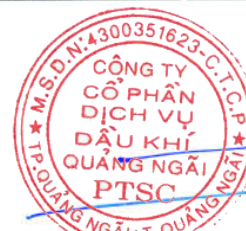
CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.033.797.182	10.247.212.981
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	26.797.468.485	27.449.250.039
Các khoản dự phòng	03	-	(85.760.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(73.750.261)	(381.259.224)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(517.637.502)	(1.101.715.908)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.239.877.904	36.127.727.888
Thay đổi các khoản phải thu	09	91.184.555.905	24.189.070.692
Thay đổi hàng tồn kho	10	(31.822.231.472)	(43.006.160.178)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(123.921.612.091)	68.292.410.439
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.591.918.905	(731.356.048)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.412.441.946)	(1.224.428.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.139.932.795)	83.647.264.209
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.677.687.702)	(3.967.476.179)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	617.607.883	1.110.789.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.060.079.819)	(2.856.686.585)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	(35.200.012.614)	80.790.577.624
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	93.058.828.742	101.340.528.427
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.811.718)	(178.273.076)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	57.838.004.410	181.952.832.975



Hồ Vũ Duy
Người lập biểu



Trịnh Lương Một
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hùng
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4300351623 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Cổ đông chính và là Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty PTSC”).

Ngày 4 tháng 10 năm 2019, cổ phiếu UPCoM của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là “PQN”.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 875 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 927 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, vận chuyển các sản phẩm dầu khí, bốc dỡ, vận chuyển, giao nhận thiết bị, hàng hóa; gia công lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị công trình dầu khí, bảo dưỡng hoàn cải các phương tiện nổi; khai thác cảng biển, cung ứng vật tư thiết bị các công trình dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải; kinh doanh tàu lai kéo; dịch vụ thuê tàu; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp (nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, công trình kỹ thuật phụ, thuộc nhà kho, công trình giao thông (cầu, đường, đê kè, bến cảng, san lấp mặt bằng và công trình cấp thoát nước); chế tạo và lắp đặt các bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dầu khí và cung cấp dịch vụ đại lý hải quan, dịch vụ khai thuế hải quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây dựng các công trình, chế tạo và lắp đặt, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty tương ứng theo thời gian thực hiện hợp đồng, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới (“Covid-19”) gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp và/ hoặc gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm trả trước, các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và chi phí trả trước khác.

Chi phí mua bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và, ngoài ra, không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	379.185.640	184.123.595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.578.341.609	62.244.343.454
Các khoản tương đương tiền	20.880.477.161	30.630.361.693
	57.838.004.410	93.058.828.742

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,1% đến 3,3%/năm (năm 2020: từ 3,2% đến 3,4%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu khách hàng các bên thứ ba		
Công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam	22.764.222.337	27.552.836.256
Khách hàng khác	22.253.481.575	26.586.111.629
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	93.129.191.787	174.893.510.687
	138.146.895.699	229.032.458.572

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	10.759.394.131	32.065.909.857
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.484.582.978	10.020.058.605
Đối tượng khác	1.274.811.153	22.045.851.252
Phải thu khác	20.324.732.275	9.035.457.732
Ký cược, ký quỹ	11.413.244.463	4.735.783.598
Đối tượng khác	8.911.487.812	4.299.674.134
	31.084.126.406	41.101.367.589
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (*)	11.516.550.273	11.516.550.273
	13.516.550.273	13.516.550.273

(*) Phải thu khác từ Công ty Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Elcom") thể hiện số tiền mà Công ty đã chi hộ cho Elcom trong quá trình thực hiện dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol ("Bio Ethanol"). Khi dự án Bio Ethanol được quyết toán với chủ đầu tư, khoản phải thu này sẽ được bù trừ với giá trị phần khối lượng công việc mà Elcom thực hiện cho dự án này dưới hình thức hợp đồng nhà thầu phụ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Elcom và Công ty chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị khối lượng công việc thực hiện với chủ đầu tư.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.062.365.261	-	31.812.245.791	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	136.183.130.249	-	102.611.018.247	-
	166.245.495.510	-	134.423.264.038	-

(*) Chi tiết của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	6.010.360.164	6.010.360.164
Dự án gia công GE Dolna Odra	9.847.407.335	5.242.574.330
Dự án mua sắm thiết bị Bình Sơn	12.400.450.969	6.382.480.425
Dự án kho chứa LNG Thị Vải	56.639.990.752	44.276.907.740
Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	33.672.443.226	36.997.770.210
Các dự án khác	17.612.477.803	3.700.925.378
	136.183.130.249	102.611.018.247

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	1.749.995.325	627.516.041
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	20.233.500	273.361.844
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	1.812.675.002	2.316.998.655
	3.582.903.827	3.217.876.540
b. Dài hạn		
Duy tu, nạo vét Bến số 1,2 - Cảng Dung Quất	3.433.726.069	4.445.452.392
Sửa chữa, cải tạo xưởng cơ khí, văn phòng	8.323.668.863	10.487.508.358
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	14.852.153.012	16.633.533.386
	26.609.547.944	31.566.494.136



9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	269.070.165.802	89.878.600.216	496.239.286.026	5.415.711.162	2.273.291.865	862.877.055.071
Tăng trong kỳ	-	877.000.000	-	130.550.000	-	1.007.550.000
Số dư cuối kỳ	269.070.165.802	90.755.600.216	496.239.286.026	5.546.261.162	2.273.291.865	863.884.605.071
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	169.459.890.941	60.691.296.343	349.906.126.819	4.131.902.290	1.998.768.448	586.187.984.841
Khấu hao trong kỳ	6.252.347.058	4.887.548.872	15.258.137.740	296.310.248	69.589.564	26.763.933.482
Số dư cuối kỳ	175.712.237.999	65.578.845.215	365.164.264.559	4.428.212.538	2.068.358.012	612.951.918.323
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	99.610.274.861	29.187.303.873	146.333.159.207	1.283.808.872	274.523.417	276.689.070.230
Tại ngày cuối kỳ	93.357.927.803	25.176.755.001	131.075.021.467	1.118.048.624	204.933.853	250.932.686.748

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 157.727.259.767 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 139.025.158.761 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	2.753.058.029
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	2.614.714.511
Khấu hao trong kỳ	33.535.003
Số dư cuối kỳ	2.648.249.514
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	138.343.518
Tại ngày cuối kỳ	104.808.515

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 2.505.298.029 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.505.298.0290 đồng).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp/thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp/thu trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	514.242.700	9.286.501.934	10.581.026.898	(780.282.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.943.068.525	1.781.704.613	6.412.441.946	312.331.192
Thuế thu nhập cá nhân	370.501.374	344.466.662	459.316.789	255.651.247
Thuế nhà đất	-	134.153.100	134.153.100	-
Các loại thuế khác	121.548.997	156.426.672	277.975.669	-
	5.949.361.596	11.703.252.981	17.864.914.402	(212.299.825)
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			780.282.264
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.949.361.596			567.982.439

12. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

Đây là giá trị của dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol ("Nhà máy Bio Ethanol"). Dự án này cơ bản đã hoàn thành khối lượng, đang thực hiện công tác bàn giao và quyết toán với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 thể hiện khoản chi phí tương ứng với 5% giá trị hợp đồng. Khoản 5% giá trị này sẽ được ghi nhận sau khi hoàn thành công tác bàn giao và quyết toán dự án theo quy định của hợp đồng.

Theo đó, giá trị thu hồi của khoản chi phí này sẽ tùy thuộc vào giá trị quyết toán của dự án. Tại ngày lập báo cáo này, việc quyết toán dự án vẫn chưa hoàn thành.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án trang trí cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất	5.880.355.437	5.880.355.437
Dự án mua cầu trục	1.071.068.953	1.048.825.563
Dự án mở rộng Xưởng cơ khí Dung Quất	954.116.472	954.116.472
Dự án trạm phân phối khí	1.772.844.078	1.690.664.926
Khác	367.500.000	-
	10.045.884.940	9.573.962.398

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Bên thứ ba		
Shandong Runh Power Plant Engineering Technology	11.999.753.162	12.064.085.459
Khác	92.857.910.908	169.555.140.786
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	38.459.993.358	41.408.017.469
	143.317.657.428	223.027.243.714

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	89.695.545.896	101.525.159.103
Các bên thứ ba	875.014.607	1.113.603.783
	90.570.560.503	102.638.762.886

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phải trả dự án Bio Ethanol	28.562.027.135	27.731.410.636
Chi phí phải trả khác	5.546.712.347	3.167.495.762
	34.108.739.482	30.898.906.398

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả Tổng Công ty PTSC	40.275.275.608	75.921.308.221
Phải trả lương nhân viên	18.901.014.427	18.883.263.674
Alfa Laval (India) Limited	1.864.449.770	1.864.449.770
Các khoản khác	6.917.010.162	5.744.479.275
	67.957.749.967	102.413.500.940
b. Dài hạn		
Tổng Công ty PTSC	358.891.628.649	358.891.628.649

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	300.000.000.000	4.707.250.551	(240.713.789.242)	63.993.461.309
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	20.657.029.291	20.657.029.291
Số dư đầu kỳ này	300.000.000.000	4.707.250.551	(220.056.759.951)	84.650.490.600
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.250.774.604	7.250.774.604
Số dư cuối kỳ này	300.000.000.000	4.707.250.551	(212.805.985.347)	91.901.265.204

Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng, tương đương 30.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	95,2	285.581.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	3,3	10.000.000.000
Người lao động Công ty	1,5	4.419.000.000
	100	300.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ ("USD")	1.261.453	1.417.983

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hiện đang cung cấp các dịch vụ chính như sau:

- Dịch vụ xây lắp và cung cấp thiết bị bao gồm dịch vụ cơ khí và xây lắp cho các dự án công nghiệp; dịch vụ sửa chữa, bảo trì và thay thế phụ tùng cho các nhà máy lọc dầu;
- Dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan khác như dịch vụ lai dắt, dịch vụ hàng hải, và dịch vụ hậu cần.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và lập báo cáo bộ phận cho lĩnh vực kinh doanh theo doanh thu và giá vốn các dịch vụ cung cấp như được trình bày tại Thuyết Minh số 21 và 22 bên dưới. Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh cho tài sản và công nợ vì tài sản được sử dụng chung cho nhiều dịch vụ của Công ty.

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý vì hầu hết các hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở Việt Nam nên không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu từ các dự án xây lắp, sửa chữa và cung cấp thiết bị	216.288.274.697	139.712.849.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.854.947.681	173.968.092.612
	391.143.222.378	313.680.941.794

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn các dự án xây lắp, sửa chữa và cung cấp thiết bị	214.852.280.955	133.343.061.107
Giá vốn dịch vụ cung cấp	146.048.504.852	149.780.242.369
	360.900.785.807	283.123.303.476

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.566.984.970	75.964.713.188
Chi phí nhân công	79.418.394.105	63.064.211.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.797.468.485	27.449.250.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.846.313.013	128.945.974.154
Chi phí khác bằng tiền	2.651.653.893	4.971.846.153
	378.280.814.466	300.395.995.414

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí sử dụng vốn (Thuyết minh số 29)	4.386.947.364	4.475.369.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá	67.800.093	538.593.996
	4.454.747.457	5.013.963.381

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương nhân viên quản lý	9.805.889.440	8.707.616.982
Dịch vụ mua ngoài	3.379.448.991	4.208.637.314
Chi phí khấu hao	1.290.701.809	1.371.541.808
Thuế, phí và lệ phí	99.017.000	99.017.000
Khác	2.552.636.893	2.885.878.834
	17.127.694.133	17.272.691.938

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	9.033.797.182	10.247.212.981
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	211.705.070	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	86.430.951	519.526.587
Thu nhập tính thuế	8.908.523.063	10.766.739.568
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.781.704.613	2.153.347.914

Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.317.965	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(39.838.849)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(2.502.165)
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.317.965	(42.341.014)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tính toán dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.250.774.604	8.136.206.081
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.250.774.604	8.136.206.081
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	242	271

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.488.017.000	2.268.017.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	188.034.000	1.275.034.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	940.170.000	940.170.000
Sau năm năm	3.175.163.017	3.365.808.600
	4.303.367.017	5.581.012.600

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 4.070 m² tại vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Trích sao bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên Môi trường xác nhận ngày 04 tháng 01 năm 2004 với giá thuê 46.200 đồng/m²/năm. Hợp đồng thuê đất được ký giữa Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC") với thời hạn 40 năm tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2004. Lô đất này đã được chuyển cho Công ty sử dụng từ năm 2004. Căn cứ theo Điều 20 của Quyết định số 323/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2010 thì Công ty sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê cho phần đất được sử dụng.
- Tổng số tiền thuê Bến số 2 – Bến cảng Dung Quất. Hợp đồng thuê bến cảng được ký giữa Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC") với Công ty cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi với thời hạn 6 năm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.



29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC")	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Tổng công ty PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu khí PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Lọc - Hóa Dầu Bình Sơn	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP (PVE)	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Công Nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Đông Nam Bộ	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Quảng Ngãi	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Dịch vụ Cảng Dung Quất	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Các công ty trong cùng PVN
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Các công ty trong cùng PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu Khí Đà Nẵng	Các công ty trong cùng PVN
Công ty chế biến khí Vũng Tàu	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	Các công ty trong cùng PVN
Viện dầu khí Việt Nam	Các công ty trong cùng PVN



Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa Dầu Bình Sơn	92.276.203.896	123.116.399.071
Tổng Công ty PTSC	178.628.382.759	21.828.875.466
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	799.006.705	-
Các bên liên quan khác	1.436.755.058	-
	273.140.348.418	144.945.274.537
Mua hàng		
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	14.177.182.803	-
Tổng Công ty PTSC	7.060.245.418	2.174.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	-	15.410.848.867
Các bên liên quan khác	11.496.480.541	3.567.812.507
	32.733.908.762	21.152.661.374
Chi phí sử dụng vốn		
Tổng Công ty PTSC	4.386.947.364	4.475.369.385

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập	1.297.286.539	961.997.717

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty PTSC	60.068.388.857	44.339.227.875
Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	29.868.464.124	123.093.626.781
Các bên liên quan khác	3.192.338.806	7.460.656.031
	93.129.191.787	174.893.510.687
Phải thu ngắn hạn khác		
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	9.484.582.978	9.484.582.978
Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	-	535.475.627
	9.484.582.978	10.020.058.605
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	17.991.816.573	17.991.816.573
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	-	2.834.631.005
Các bên liên quan khác	20.468.176.785	20.581.569.891
	38.459.993.358	41.408.017.469

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty PTSC	33.709.812.421	45.539.425.628
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	45.816.725.642	45.816.725.642
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	10.169.007.833	10.169.007.833
	89.695.545.896	101.525.159.103
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty PTSC	399.166.904.257	434.812.936.870
Trả trước cho người bán		
Viện dầu khí Việt Nam	165.048.322	165.048.322

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 633.555.203 đồng (kỳ trước: 3.831.770.363 đồng) là số tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Hồ Vũ Duy
Người lập biểu



Trịnh Lương Một
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hùng
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

